

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 380 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 14 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 21/TTr-SoNNMT ngày 04 tháng 7 năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, thay thế lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản cấp tỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (*Phụ lục Quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đính kèm*). Cụ thể:

**1.** Ban hành mới: 07 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính.

**2. Thay thế:** 01 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc công bố thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai (mã thủ tục hành chính số 2.001827).

**3. Bãi bỏ:** 01 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện ban hành tại Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc công bố thủ tục hành chính và quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai (mã số 2.001827).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai hết hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo các quy trình giải quyết thủ tục hành chính nêu trên.

Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, và các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố lên Hệ thống thông tin và giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (Igate). Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia theo quy định.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến kiểm thử để đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, HCC.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Trường Sơn**



**PHỤ LỤC**  
**QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN**  
*(Bản hành kèm theo Quyết định số 380 /QĐ-UBND ngày 14 /7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**A. QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI**

| CÁC BƯỚC                                                                                                                                                               | TRÌNH TỰ THỰC HIỆN | ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC | THỜI GIẠN GIẢI QUYẾT TTHC | Phí, lệ phí (vnd) | Ghi chú |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------|---------------------------|-------------------|---------|
| <b>I. CẤP TỈNH</b>                                                                                                                                                     |                    |                        |                           |                   |         |
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Mã số TTHC: 2.001730 - Một phần</b> |                    |                        |                           |                   |         |

|                                |                                                             |                                                                                                                                                                                             |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
|--------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| Bước 1                         | Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                            | 0,25 ngày làm việc | Phí thẩm định và chứng nhận mẫu dịch tự do (FSC), giấy chứng nhận sản phẩm thuốc (CPP), các giấy chứng nhận thuốc thú y để xuất khẩu: 180.000 đồng/01 loại thuốc. Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận thức ăn chăn nuôi lưu hành tự do tại Việt Nam: 350.000 đồng/01 sản phẩm/lần. |  |
| Bước 2                         | Chuyển xử lý hồ sơ                                          | Lãnh đạo<br>Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản                                                                                                                     | 0,25 ngày làm việc |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
| Bước 3                         | Xử lý hồ sơ                                                 | 1. Chi cục Phát triển nông thôn (Phòng Trồng trọt, Phòng Quản lý chất lượng)<br><b>Hoặc</b><br>2. Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản (Phòng Chăn nuôi, Phòng Kiểm dịch động vật, Phòng Thủy sản) | 1,75 ngày làm việc |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
| Bước 4                         | Phê duyệt hồ sơ                                             | Lãnh đạo Sở                                                                                                                                                                                 | 0,5 ngày làm việc  |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
| Bước 5                         | Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân                             | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                            | 0,25 ngày làm việc |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
| Tổng cộng thời gian giải quyết |                                                             |                                                                                                                                                                                             | 03 ngày làm việc   |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |

| CÁC BƯỚC                                                                                                                                                                                     | TRÌNH TỰ THỰC HIỆN                                          | ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC                                                                                                                                                                                                                                          | THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC | Phí, lệ phí (vnd) | Ghi chú |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------|---------|
| <b>2. Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Mã số TTHC: 2.001726 - Một phần</b> |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                 |                           |                   |         |
| Bước 1                                                                                                                                                                                       | Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                                                                                                | 0.25 ngày làm việc        | Không quy định.   |         |
| Bước 2                                                                                                                                                                                       | Chuyển xử lý hồ sơ                                          | Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản                                                                                                                                                                                            | 0.25 ngày làm việc        |                   |         |
| Bước 3                                                                                                                                                                                       | Chuyển xử lý hồ sơ                                          | 1. Lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc Chi cục Phát triển nông thôn:<br>- Phòng Trồng trọt<br>- Phòng Quản lý chất lượng<br>2. Các phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản:<br>- Phòng Chăn nuôi<br>- Phòng Kiểm dịch động vật<br>- Phòng Thủy sản | 0.25 ngày làm việc        |                   |         |
| Bước 4                                                                                                                                                                                       | Xử lý hồ sơ                                                 | Chuyên viên                                                                                                                                                                                                                                                     | 1.5 ngày làm việc         |                   |         |
| Bước 5                                                                                                                                                                                       | Phê duyệt hồ sơ                                             | Lãnh đạo Sở                                                                                                                                                                                                                                                     | 0.5 ngày làm việc         |                   |         |
| Bước 6                                                                                                                                                                                       | Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân                             | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                                                                                                | 0.25 ngày làm việc        |                   |         |
| Tổng cộng thời gian giải quyết                                                                                                                                                               |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                 | 03 ngày làm việc          |                   |         |
| <b>3. Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước. Mã số TTHC: 1.003111 - Một phần</b>                                                                                     |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                 |                           |                   |         |

| CÁC BƯỚC                                                                                                                                                                                | TRÌNH TỰ THỰC HIỆN                                          | ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC                                                                                                                                                                                                                                          | THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC                                                                                                             | Phí, lệ phí (vnd)                                          | Ghi chú |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------|
| Bước 1                                                                                                                                                                                  | Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                                                                                                | 1 ngày làm việc                                                                                                                       | Đánh giá lần đầu<br>32.000.000 đồng/lần/phòng kiểm nghiệm. |         |
| Bước 2                                                                                                                                                                                  | Chuyển xử lý hồ sơ                                          | Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản                                                                                                                                                                                            | 1 ngày làm việc                                                                                                                       |                                                            |         |
| Bước 3                                                                                                                                                                                  | Chuyển xử lý hồ sơ                                          | 1. Lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc Chi cục Phát triển nông thôn:<br>- Phòng Trồng trọt<br>- Phòng Quản lý chất lượng<br>2. Các phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản:<br>- Phòng Chăn nuôi<br>- Phòng Kiểm dịch động vật<br>- Phòng Thủy sản | 1 ngày làm việc                                                                                                                       |                                                            |         |
| Bước 4                                                                                                                                                                                  | Xử lý hồ sơ                                                 | Chuyên viên                                                                                                                                                                                                                                                     | 30 ngày làm việc                                                                                                                      |                                                            |         |
| Bước 5                                                                                                                                                                                  | Phê duyệt hồ sơ                                             | Lãnh đạo Sở                                                                                                                                                                                                                                                     | 1 ngày làm việc                                                                                                                       |                                                            |         |
| Bước 6                                                                                                                                                                                  | Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân                             | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                                                                                                | 1 ngày làm việc                                                                                                                       |                                                            |         |
| Tổng cộng thời gian giải quyết                                                                                                                                                          |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                 | 35 ngày làm việc (không bao gồm thời gian đánh giá năng lực thực tế tại cơ sở kiểm nghiệm, thời gian khắc phục của cơ sở kiểm nghiệm) |                                                            |         |
| 4. Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 - Mã số TTHC: 1.003082 - Một phần |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                       |                                                            |         |

| CÁC BƯỚC                       | TRÌNH TỰ THỰC HIỆN                                          | ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC                                                                                                                                                                                                                                          | THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC                                                                                                              | Phí, lệ phí (vnđ)                                             | Ghi chú |
|--------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------|
| Bước 1                         | Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                                                                                                | 1 ngày làm việc                                                                                                                        | Đánh giá lần đầu<br>32.000.000<br>đồng/lần/phòng kiểm nghiệm. |         |
| Bước 2                         | Chuyển xử lý hồ sơ                                          | Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản                                                                                                                                                                                            | 1 ngày làm việc                                                                                                                        |                                                               |         |
| Bước 3                         | Chuyển xử lý hồ sơ                                          | 1. Lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc Chi cục Phát triển nông thôn:<br>- Phòng Trồng trọt<br>- Phòng Quản lý chất lượng<br>2. Các phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản:<br>- Phòng Chăn nuôi<br>- Phòng Kiểm dịch động vật<br>- Phòng Thủy sản | 1 ngày làm việc                                                                                                                        |                                                               |         |
| Bước 4                         | Xử lý hồ sơ                                                 | Chuyên viên                                                                                                                                                                                                                                                     | 25 ngày làm việc                                                                                                                       |                                                               |         |
| Bước 5                         | Phê duyệt hồ sơ                                             | Lãnh đạo Sở                                                                                                                                                                                                                                                     | 1 ngày làm việc                                                                                                                        |                                                               |         |
| Bước 6                         | Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân                             | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                                                                                                | 1 ngày làm việc                                                                                                                        |                                                               |         |
| Tổng cộng thời gian giải quyết |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                 | 30 ngày làm việc (không bao gồm thời gian đánh giá năng lực thực tế tại cơ sở kiểm nghiệm, thời gian khác phục của cơ sở kiểm nghiệm). |                                                               |         |

| CÁC BƯỚC                                                                                                                     | TRÌNH TỰ THỰC HIỆN                                          | ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC                                                                                                                                                                                                                                          | THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC                                                                                                                                       | Phí, lệ phí (vnđ)                                            | Ghi chú |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------|
| (5) Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước - Mã số TTHC: 1.003058 – Một phần                  |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                 |                                                              |         |
| Bước 1                                                                                                                       | Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                                                                                                | 1 ngày làm việc                                                                                                                                                 | Đánh giá gia hạn<br>22.500.000<br>đồng/lần/phòng kiểm nghiệm |         |
| Bước 2                                                                                                                       | Chuyển xử lý hồ sơ                                          | Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản                                                                                                                                                                                            | 1 ngày làm việc                                                                                                                                                 |                                                              |         |
| Bước 3                                                                                                                       | Chuyển xử lý hồ sơ                                          | 1. Lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc Chi cục Phát triển nông thôn:<br>- Phòng Trồng trọt<br>- Phòng Quản lý chất lượng<br>2. Các phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản:<br>- Phòng Chăn nuôi<br>- Phòng Kiểm dịch động vật<br>- Phòng Thủy sản | 1 ngày làm việc                                                                                                                                                 |                                                              |         |
| Bước 4                                                                                                                       | Xử lý hồ sơ                                                 | Chuyên viên                                                                                                                                                                                                                                                     | 30 ngày làm việc                                                                                                                                                |                                                              |         |
| Bước 5                                                                                                                       | Phê duyệt hồ sơ                                             | Lãnh đạo Sở                                                                                                                                                                                                                                                     | 1 ngày làm việc                                                                                                                                                 |                                                              |         |
| Bước 6                                                                                                                       | Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân                             | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                                                                                                | 1 ngày làm việc                                                                                                                                                 |                                                              |         |
| Tổng cộng thời gian giải quyết                                                                                               |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                 | 35 ngày làm việc nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (không bao gồm thời gian đánh giá năng lực thực tế tại cơ sở kiểm nghiệm, thời gian khắc phục của cơ sở kiểm nghiệm). |                                                              |         |
| 6. Tên TTHC: Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước - Mã số TTHC: 2.001254 - Một phần |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                 |                                                              |         |

| CÁC BƯỚC                                                                                | TRÌNH TỰ THỰC HIỆN                                          | ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC                                                                                                                                                                                                                                          | THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC                                                                                                                                       | Phí, lệ phí (vnđ)                                                 | Ghi chú |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------|
| Bước 1                                                                                  | Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                                                                                                | 1 ngày làm việc                                                                                                                                                 | Đánh giá thay đổi, bổ sung 22.500.000 đồng/lần/phòng kiểm nghiệm. |         |
| Bước 2                                                                                  | Chuyển xử lý hồ sơ                                          | Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản                                                                                                                                                                                            | 1 ngày làm việc                                                                                                                                                 |                                                                   |         |
| Bước 3                                                                                  | Chuyển xử lý hồ sơ                                          | 1. Lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc Chi cục Phát triển nông thôn:<br>- Phòng Trồng trọt<br>- Phòng Quản lý chất lượng<br>2. Các phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản:<br>- Phòng Chăn nuôi<br>- Phòng Kiểm dịch động vật<br>- Phòng Thủy sản | 1 ngày làm việc                                                                                                                                                 |                                                                   |         |
| Bước 4                                                                                  | Xử lý hồ sơ                                                 | Chuyên viên                                                                                                                                                                                                                                                     | 30 ngày làm việc                                                                                                                                                |                                                                   |         |
| Bước 5                                                                                  | Phê duyệt hồ sơ                                             | Lãnh đạo Sở                                                                                                                                                                                                                                                     | 1 ngày làm việc                                                                                                                                                 |                                                                   |         |
| Bước 6                                                                                  | Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân                             | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                                                                                                | 1 ngày làm việc                                                                                                                                                 |                                                                   |         |
| Tổng cộng thời gian giải quyết                                                          |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                 | 35 ngày làm việc nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (không bao gồm thời gian đánh giá năng lực thực tế tại cơ sở kiểm nghiệm, thời gian khắc phục của cơ sở kiểm nghiệm). |                                                                   |         |
| 7. Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm - Mã số TTHC: 1.002996 - Một phần |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                 |                                                                   |         |
| Bước 1                                                                                  | Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                                                                                                | 0.25 ngày làm việc                                                                                                                                              | Không quy định.                                                   |         |

| CÁC BƯỚC                       | TRÌNH TỰ THỰC HIỆN              | ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC                                                                                                                                                                                                                                          | THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC | Phí, lệ phí (vnd) | Ghi chú |
|--------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------|---------|
| Bước 2                         | Chuyển xử lý hồ sơ              | Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản                                                                                                                                                                                            | 0.25 ngày làm việc        |                   |         |
| Bước 3                         | Chuyển xử lý hồ sơ              | 1. Lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc Chi cục Phát triển nông thôn:<br>- Phòng Trồng trọt<br>- Phòng Quản lý chất lượng<br>2. Các phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản:<br>- Phòng Chăn nuôi<br>- Phòng Kiểm dịch động vật<br>- Phòng Thủy sản | 0.25 ngày làm việc        |                   |         |
| Bước 4                         | Xử lý hồ sơ                     | Chuyên viên                                                                                                                                                                                                                                                     | 3 ngày làm việc           |                   |         |
| Bước 5                         | Phê duyệt hồ sơ                 | Lãnh đạo Sở                                                                                                                                                                                                                                                     | 1 ngày làm việc           |                   |         |
| Bước 6                         | Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                                                                                                | 0.25 ngày làm việc        |                   |         |
| Tổng cộng thời gian giải quyết |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                 |                           |                   |         |
|                                |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                 |                           | 5 ngày làm việc   |         |

## B. QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

| CÁC BƯỚC                                                                                                                                                              | TRÌNH TỰ THỰC HIỆN                                          | ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC                                                                                                                                                                                                                                          | THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC | Phí, lệ phí (vnd)     | Ghi chú |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
| <b>I. CẤP TÍNH</b>                                                                                                                                                    |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                 |                           |                       |         |
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản - Mã số TTHC: 2.001827 - Một phần</b> |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                 |                           |                       |         |
| Bước 1                                                                                                                                                                | Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                                                                                                | 0.5 ngày                  | 700.000<br>đồng/cơ sở |         |
| Bước 2                                                                                                                                                                | Chuyển xử lý hồ sơ                                          | Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản                                                                                                                                                                                            | 0.5 ngày                  |                       |         |
| Bước 3                                                                                                                                                                | Chuyển xử lý hồ sơ                                          | 1. Lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc Chi cục Phát triển nông thôn:<br>- Phòng Trồng trọt<br>- Phòng Quản lý chất lượng<br>2. Các phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản:<br>- Phòng Chăn nuôi<br>- Phòng Kiểm dịch động vật<br>- Phòng Thủy sản | 0.5 ngày                  |                       |         |
| Bước 4                                                                                                                                                                | Xử lý hồ sơ                                                 | Chuyên viên                                                                                                                                                                                                                                                     | 12.5 ngày                 |                       |         |
| Bước 5                                                                                                                                                                | Phê duyệt hồ sơ                                             | Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản                                                                                                                                                                                    | 0.5 ngày                  |                       |         |
| Bước 6                                                                                                                                                                | Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân                             | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                                                                                                | 0.5 ngày                  |                       |         |
| Tổng cộng thời gian giải quyết                                                                                                                                        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                 | 15 ngày                   |                       |         |

### C. QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ

| STT                 | Tên TTHC                                                                                                                                         | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                               | Ghi chú |
|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>I. CẤP HUYỆN</b> |                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                              |         |
| 1                   | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản - Mã số TTHC: 2.001827 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật chính quyền địa phương ngày 19/02/2025</li> <li>- Thông tư số 38/2018/TT-BNNMT</li> <li>- Thông tư số 17/2018-BNNMT</li> </ul> |         |